

PRICE SHEET

JAGUAR

Hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2022

	Nhiên liệu	Dung tích động cơ (cc)	Công suất cực đại (PS)	Mô-men xoắn cực đại (Nm)	Giá bán lẻ tiêu chuẩn (VNĐ)
XE					
2.0 SE	Xăng	1.997	250	365	2.680.000.000
XF					
2.0 R-Dynamic SE	Xăng	1.997	250	365	3.119.000.000
2.0 R-Dynamic SE (300 PS)	Xăng	1.997	300	400	3.499.000.000
E-PACE					
2.0 R-Dynamic S	Xăng	1.997	249	365	3.000.000.000
F-PACE					
2.0	Xăng	1.997	250	365	3.489.000.000
2.0 SE	Xăng	1.997	250	365	3.859.000.000
3.0 R-Dynamic SE	Xăng	2.995	400	550	5.049.000.000
5.0 SVR	Xăng	5.000	550	700	9.759.000.000
F-TYPE					
2.0 Coupé R-Dynamic RWD	Xăng	1.997	300	400	5.650.000.000
2.0 Convertible R-Dynamic RWD	Xăng	1.997	300	400	6.195.000.000
3.0 Coupé R-Dynamic RWD	Xăng	2.995	380	460	7.235.000.000
5.0 Coupé R AWD	Xăng	5.000	575	700	14.490.000.000

ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN:

- Bảng giá trên có hiệu lực vào ngày 01 tháng 12 năm 2022 và thay thế tất cả các bảng giá xe tiêu chuẩn trước đó
- Giá bán trên áp dụng cho xe đã bao gồm các tính năng tiêu chuẩn. Giá bán cuối cùng tùy thuộc vào các trang bị tùy chọn và cá nhân hóa
- Giá xe tiêu chuẩn đã bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng và gói dịch vụ 5 năm bảo dưỡng
- Giá xe và các điều khoản và điều kiện có thể thay đổi mà không thông báo trước



PHÚ THÁI MOBILITY HÀ NỘI
 166 KHUẤT DUY TIẾN, P. NHÂN CHÍNH, Q. THANH XUÂN
 TẦNG TRỆT, TTTM TRĂNG TIỀN PLAZA, 24 HAI BÀ TRƯNG, Q. HOÀN KIẾM
 HOTLINE: 0981 211 919

PHÚ THÁI MOBILITY TP. HỒ CHÍ MINH
 GF51, TẦNG TRỆT, TTTM CRESCENT MALL. 101 TÔN DẬT TIỀN,
 P. TÂN PHÚ. QUẬN 7
 HOTLINE: 0862 015 068